

**DANH SÁCH SINH VIÊN NỘP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC XÉT MIỄN GIẢM CÁC MÔN HỌC
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2015-2016**

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
1	1554010034	Lâm Ánh Diệp (225591303/10-07-1996)	QT15DB01	TOEIC	645	24/12/2015	24/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2
2	1254020239	Phạm Thị Thanh Thảo (225535606/23-11-1994)	TC12DB01	TOEIC	560	24/12/2015	24/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5	Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1, TOEIC 2
3	1354010266	Phạm Tường Quyên (025434053/07-12-1993)	QT13DB02	TOEIC	675	19/12/2015	19/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1, TOEIC 2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
4	1554030104	Nguyễn Hoàng Tuyết Mai (025861552/14-05-1997)	TN15DB01	IELTS	5.5	19/12/2015	19/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
5	1154020081	Đỗ Thị Diệu Hiền (231023943/19-07-1993)	NH11DB01	TOEIC	520	19/01/2015	19/01/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4	Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
6	1454050045	Văn Thị Lệ Huyền (231025635/10-08-1996)	QT14DB01	TOEIC	590	26/10/2015	26/10/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5	Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1, TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
7	1254040197	Bùi Thị Thùy Linh (273552613/19-07-1994)	KT12DB01	TOEIC	545	20/12/2015	20/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4	Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
8	1254052228	Hà Ngọc Nguyên Thảo (025145228/23-11-1993)	QT12DB02	TOEIC	665	22/06/2015	22/06/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
9	1254010645	Trần Trọng Phương Uyên (025113679/31-03-1994)	QT12DB02	TOEIC	630	17/06/2015	17/06/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
10	1254030384	Nguyễn Phương Thảo (025457792/12-04-1994)	TC12DB01	TOEIC	790	10/12/2015	10/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
11	1254030445	Nguyễn Ngọc Thùy Trang (250930625/15-11-1994)	TC12DB02	IELTS	5.5	29/08/2015	29/08/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
12	1354040145	Bùi Hồng Phúc (025308701/06-10-1995)	KT13DB01	TOEIC	700	04/12/2015	04/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
13	1454010371	Phùng Tiến (273568093/11-04-1996)	QT14DB02	TOEIC	825	21/09/2015	21/09/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
14	1454060054	Nguyễn Phước Đạt (025488159/14-10-1996)	LK14DB01	TOEIC	740	21/09/2015	21/09/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
15	1254032095	Đỗ Nguyễn Kim Hằng (221372832/11-09-1994)	TN12DB03	TOEIC	630	14/12/2015	14/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
16	1454012568	Trần Hải Yến (272451624/13-11-1996)	QT14DB02	TOEIC	545	25/12/2015	25/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4	Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
17	1254040042	Nguyễn Thành Công (233190036/04-04-1994)	KT12DB02	TOEIC	625	19/10/2015	19/10/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2
18	1254010041	Nguyễn Thị Ngọc Bích (272306890/09-11-1994)	QT12DB01	TOEIC	590	26/12/2015	26/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5	Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
19	1254012046	Nguyễn Hải Châu (079194000041/18-01-1994)	QT12DB01	TOEIC	770	25/12/2015	25/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
20	1254030527	Lê Vũ (230999287/01-03-1994)	KT12DB02	TOEIC	645	17/06/2015	17/06/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2
21	1354042383	Đoàn Phương Uyên (025149382/12-04-1995)	KT13DB01	TOEIC	730	05/10/2015	05/10/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
22	1254012246	Lý Ái Linh (321503134/16-10-1994)	QT12DB03	TOEIC	710	09/07/2015	09/07/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
23	1454050146	Đào Thị Mai Trang (025333354/04-05-1996)	QT14DB02	TOEIC	645	23/09/2015	23/09/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2
24	1254030036	Nguyễn Thị Thảo Chi (272335165/06-01-1994)	QT12DB02	TOEIC	675	31/10/2015	31/10/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
25	1154020195	Ngô Thị Quỳnh Như (272193810/07-07-1993)	NH11DB02	IELTS	5.0	24/10/2015	24/10/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5	Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
26	1254030043	Nguyễn Xuân Danh (225535695/14-02-1994)	TC12DB01	TOEIC	610	28/12/2015	28/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6	TOEIC 1 TOEIC 2
27	1154030158	Nguyễn Đức Huy (352048199/22-06-1993)	NH11DB01	TOEIC	760	23/11/2015	23/11/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
28	1354040155	Lê Ngọc Quế (281091881/11-05-1995)	KT13DB01	TOEIC	640	28/12/2015	28/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2
29	1354040177	Lê Đặng Phương Thảo (281086164/07-09-1995)	KT13DB01	TOEIC	665	28/12/2015	28/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
30	1254040503	Đào Bửu Trân (365958126/13-08-1994)	KT12DB02	TOEIC	475	30/12/2015	30/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3	Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
31	1254042499	Nguyễn Thị Minh Trâm (205654737/02-07-1994)	KT12DB01	TOEIC	470	18/09/2015	18/09/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3	Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
32	1254020334	Hoàng Thị Minh Yến (261312593/12-01-1994)	KT12DB01	TOEIC	445	20/12/2015	20/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2	Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1
33	1254052226	Trần Hà Văn (225573597/11-03-1994)	TC12DB01	TOEIC	640	20/12/2015	20/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
34	1354010044	Nguyễn Mai Hồng Duyên (025257167/08-01-1995)	QT13DB01	TOEIC	630	15/11/2015	15/11/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2
35	1354010072	Khúc Mai An Hải (261338100/26-07-1995)	QT13DB02	TOEIC	715	31/12/2015	31/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
36	1254040581	Mạc Hoàng Yên (225545699/22-04-1994)	TC12DB02	TOEIC	735	25/12/2015	25/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
37	1254030259	Nguyễn Xuân Ngọc (341725686/26-10-1994)	TN12DB03	TOEIC	470	18/10/2015	18/10/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3	Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
38	1254030464	Bùi Thị Mỹ Trinh (1254030464/27-01-1994)	TN12DB03	TOEIC	645	18/10/2015	18/10/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2
39	1254030293	Vân Thị Quỳnh Như (025015028/22-09-1994)	TC12DB02	TOEIC	620	26/01/2015	26/01/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6	TOEIC 1 TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
40	1354040085	Cao Thị Mỹ Linh (025157322/13-06-1994)	KT13DB01	TOEIC	670	04/01/2016	04/01/2018	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
41	1254012368	Nguyễn Thị Cẩm Nhi (272332803/03-06-1994)	TC12DB01	TOEIC	545	12/12/2015	12/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4	Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
42	1254022297	Nguyễn Thị Việt Trinh (163323069/31-05-1994)	QT12DB01	TOEIC	415	31/12/2015	31/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2	Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
43	1254042248	Phan Thị Ngọc Minh (261338447/06-01-1994)	QT12DB01	TOEIC	455	30/12/2015	30/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3	Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
44	1354010015	Phạm Nguyễn Lan Anh (025194828/01-03-1995)	QT13DB01	TOEIC	700	23/12/2015	23/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
45	1254042181	Huỳnh Trương Ngọc Lan (225535918/20-02-1993)	KT12DB01	TOEIC	625	30/12/2015	30/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1	TOEIC 2

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
46	1354030052	Đỗ Thị Hương (272396014/04-07-1995)	QT13DB01	TOEIC	730	31/12/2015	31/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	
47	1254052079	Nguyễn Thị Thùy Linh (341731031/05-10-1994)	KT12DB01	TOEIC	580	10/12/2015	10/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5	Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
48	1254030065	Nguyễn Thị Mỹ Duyên (215296753/10-01-1994)	TC12DB02	IELTS	5.5	13/02/2014	13/02/2016	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN (CMND số/Ngày sinh)	LỚP	TÊN CHỨNG CHỈ	ĐIỂM	NGÀY CẤP	NGÀY HẾT HẠN	MÔN HỌC ĐƯỢC MIỄN TỪ NGÀY XÉT	CÁC MÔN HỌC KHÔNG ĐƯỢC MIỄN GIẢM
49	1254030111	Lưu Thị Thu Hiền (281016787/25-03-1994)	TC12DB01	TOEIC	375	31/12/2015	31/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1	Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2
50	111401T806	Nguyễn Hữu Cát Tiên (024426770/01-01-1989)	QT10DB01	TOEIC	680	31/12/2015	31/12/2017	Tiếng Anh căn bản 1 Tiếng Anh căn bản 2 Tiếng Anh nâng cao 1 Tiếng Anh nâng cao 2 Tiếng Anh nâng cao 3 Tiếng Anh nâng cao 4 Tiếng Anh nâng cao 5 Tiếng Anh nâng cao 6 TOEIC 1 TOEIC 2	

Thông kê:

NH11DB01: 02 SV QT10DB01: 01 SV
NH11DB02: 01 SV QT12DB01: 04 SV
TC12DB01: 06 SV QT12DB02: 03 SV
TC12DB02: 04 SV QT12DB03: 01 SV
TN12DB03: 03 SV QT13DB01: 03 SV
TN15DB01: 01 SV QT13DB02: 02 SV
KT12DB01: 05 SV QT14DB01: 01 SV
KT12DB02: 03 SV QT14DB02: 03 SV
KT13DB01: 05 SV QT15DB01: 01 SV
LK14DB01: 01 SV

Tổng cộng: 50 SV

TP. HCM, ngày tháng năm 2016

PHỤ TRÁCH KHOA ĐTĐB

(đã ký)

VÂN THỊ HỒNG LOAN